



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN CUU
Last Middle First

Current Address: 237/138 Tran van Sang F11-Q.3. HCM city

Date of Birth: 1943 Place of Birth: Khanh Hoa

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/75 To 4/80
Years: 4 Months: 10 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

BỘ NỘI VỤ
Ban chấp hành
Số 205 CM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số HSLĐ 1010111317171811171510121

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;
Thi hành quyết định của Thủ tướng Chính phủ ngày 29 tháng 3 năm 1960 của Bộ Nội vụ.
Nay cấp giấy thả cho anh, chỉ có tên sau đây:
Họ tên khai sinh: Lê Văn Cầu
Họ tên thường gọi: nt
Họ tên bí danh: không
Sinh ngày tháng năm 1943
Nơi sinh: Đại tập, Vĩnh hoà, Thanh hoá
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: 104/4 Đường Đồng khởi, quận 1, TP Hồ Chí Minh
Cán tội: Thiếu tá, sĩ lý thường vụ, trưởng Phòng 3 tiểu khu
Bị bắt ngày 14-5-75
Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của
Đã bị tăng án lần, công thành năm tháng
Đã được giảm án lần, công thành năm tháng
Nay về cư trú tại 104/4 Đường Đồng khởi, quận 1, TP Hồ Chí Minh
Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: Đã xác định được tội lỗi của bản thân, yên tâm cải tạo, tin tưởng vào đường lối giáo dục của Đảng, nhà nước.
Lao động: Có nhiều cố gắng nhưng năng suất chưa cao do điều kiện sức khỏe kém yếu. Học tập các mặt thêm gia đình. Nội qui chấp hành nghiêm chỉnh, chưa có sai phạm gì đáng kể hàng năm xếp loại cải tạo trung bình.

Lưu tay ngón trái phải
Cư Lê Văn Cầu
Số 8900
Lập tại
Họ tên, chữ ký người được cấp giấy
Ngày 19 tháng 4 năm 1980
Giám thị
Lê Văn Cầu
Thiếu tá: Bùi Văn Chiêu

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date: April 17th 1985
October 1st 1989

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. NAME: - - - - - : LÊ VĂN CỬU
2. OTHER NAME: - - - - - : -
3. DATE & PLACE OF BIRTH: MARCH 14th 1943, NINH HOA, KHANH HOA (NHATRANG)
4. RESIDENCE ADDRESS: - - - - - : 104/4 ĐÔNG KHÔI, QUẬN 1, TP. HO CHI MINH
5. MAILING ADDRESS: - - - - - : 237/138 TRẦN VĂN ĐĂNG - F.11 - Q.3 - TP. HO CHI MINH

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME.

6. DATE ARRESTED: JUNE 1975
7. DATE OUT OF CAMP: APRIL 30th 1980

NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	M/S	RELATIONSHIP
1. VO THI THI	1916	KHANH HOA	Fe	W	MOTHER
2. PHAM THI MONG LAN	1954	HANOI	Fa	M	WIFE
3. LE NGOC HOANG PHUONG	1982	SAIGON	Fe	S	DAUGHTER
4. LE NGOC HOANG YEN	1984	SAIGON	Fe	S	DAUGHTER
5. LE HONG HOANG	1988	SAIGON	M	S	SON
6. LE THI PHONG DANG	1948	KHANH HOA	Fe	W	SISTER
7. NGUYEN NHAT PHONG	1972	KHANH HOA	M	S	DANG'S SON
8. TRẦN THI TUONG VI	1975	SAIGON	Fe	S	DANG'S DAUGHTER
9. LE THI NGOC BOI	1953	KHANH HOA	Fe	S	SISTER

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

1. CLOSEST RELATIVE IN THE U.S.
- a. NAME: - - - - - : PHAM THI MONG VAN
- b. RELATIONSHIP: WIFE'S SISTER
- c. ADDRESS: - - - - - : -

D. COMPLETE FAMILY LISTING

1. FATHER: LE VAN HUOC - "ĐẦU TÊN" TO DEAD ON JUNE 1976 AT NINH HOA, AFTER RELEASED FROM REEDUCATION CAMP
2. MOTHER: VO THI THI (LIVING) - 104/4 ĐÔNG KHÔI, Q.1 - HO CHI MINH CITY
3. SPOUSE: PHAM THI MONG LAN (LIVING) - 237/138 TRẦN VĂN ĐĂNG - F.11 - Q.3 - HO CHI MINH CITY
4. FORMER SPOUSE: NO
5. CHILDREN:
 - a. LE NGOC HOANG PHUONG (LIVING) - 237/138 TRẦN VĂN ĐĂNG - F.11 - Q.3 - HO CHI MINH CITY
 - b. LE NGOC HOANG YEN (LIVING) - 237/138 TRẦN VĂN ĐĂNG - - - - -
 - c. LE HONG HOANG (LIVING) - 237/138 TRẦN VĂN ĐĂNG
6. SIBLINGS:
 - a. LETHI PHONG DANG (LIVING) - 104/4 ĐÔNG KHÔI - Q.1 - HO CHI MINH CITY
 - b. LETHI MY BUU (LIVING) - BINH THANH - NINH HOA - KHANH HOA
 - c. LETHI NGOC BOI (LIVING) - 104/4 ĐÔNG KHÔI - Q.1 - HO CHI MINH CITY

E. EMPLOYMENT BY US ORGANIZATIONS OF YOUR RELATIVE

1. NAME: (SISTER) LETHI PHONG DANG (CARD'S NUMBER: 604409-7)
2. DATES & TITLE OF POSITIONS HELD: 1969-1970 (NURSE) - 1970-1971 (CLERK-I)
3. AGENCY/COMPANY: RMK - BRJ
4. NAME OF LAST SUPERVISOR: TOM WICKHAM

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU

1. NAME: LE VAN CỬU
2. DATES: FROM NOV 1st 1960 TO APRIL 30th 1975
3. LAST RANK: MAJOR
4. MILITARY UNIT: HAU NGHIA SECTOR
5. NAME OF C.O: COLONEL TON THAT SOAN
6. US AWARDS OR CERTIFICATES:
 - a. BRONZE STAR WITH COMBAT V (OPERATION AT TAY NINH ON JUNE 19th 1969)
 - b. CERTIFICATE (LACKLAND LANGUAGE SCHOOL - 1966)
 - c. CERTIFICATE (THE BASIC SCHOOL/MARINE CORPS SCHOOL - CLASS 2-67)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU

1. NAME OF STUDENT: LE VAN CỬU
2. SCHOOL & SCHOOL ADDRESS:
 - THE LANGUAGE SCHOOL (LACKLAND - TEXAS - USA)
 - THE BASIC SCHOOL/MARINE CORPS SCHOOL (QUANTICO - VA - USA)
 - HANSEN MARINE CAMP (OKINAWA - JAPAN)
3. DATES:
 - FROM MARCH 1966 TO JAN 1967
 - FROM SEPT 1971 TO NOV 1971

H. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION UNTIL NOW: YES

CONTROL

_____ Card
☒ Doc. Request; Form 1/31/89
 _____ Release Order
 _____ Computer
 _____ Form "D"
 _____ ODP/Date _____
 _____ Membership; Letter

Anh Hai
 TNL Van Cui xin lai
 h/s.

D
 Pham Thi Hong Van
 800 Old State Road
 Salinas, CA 93908

hos - 449-1389
 ho so chon got 11/23/85